

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN H  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 32/2020/DSST

Ngày 30/6/2020

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
-----

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H  
TTrnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Ngọc Tú

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Hoàng Ngọc Năm  
2. Bà Lê Thị T

*Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án Toà án nhân dân huyện H.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H:* Bà Lê Thị Tr - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2020/TLST- DS ngày 02 tháng 01 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2020/QĐXXST ngày 29 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Xuân V, sinh năm 1994 “*Có mặt*”.

Địa chỉ: phố Trung Sơn, thị trấn Bút Sơn, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Ngô Thị Nhân, sinh năm 1995

Chuyên viên thuộc Chi nhánh Công ty Luật TNHH 24.

Địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị T, sinh năm 1976 “*Vắng mặt*”.

Địa chỉ: Thôn Th (nay là thôn H), xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Chị Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1998

Địa chỉ thường trú: thôn Tê Thôn (nay là thôn Hiền Thôn), xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Địa chỉ tạm trú: Số 12, Tr, TP. Nha Tr, tỉnh Khánh Hòa. “*Vắng mặt*”.

Tại phiên toà có mặt nguyên đơn anh Lê Xuân V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, vắng mặt bị đơn chị T và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 09/12/2019, bản tự khai ngày 08/01/2020 của anh Lê Xuân V và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên anh V đã cho chị T vay tiền với tổng số tiền là 317.500.000 đồng (Ba trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng), chị T vay làm hai lần, cụ thể:

Lần 1: ngày 11/7/2018 anh V và chị T có lập hợp đồng vay tiền tại phòng công chứng H, có lời chứng xác nhận của công chứng viên. Hợp đồng thể hiện: Số tiền anh V cho chị T vay là 217.500.000 đồng (hai trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng); lãi suất 10,2%/năm, trả lãi vào ngày cuối tháng; thời hạn vay tính từ ngày vay đến hết ngày 11/7/2019. Chị T giao lại giấy chứng nhận QSD thửa đất số 248b, tờ bản đồ số 07 (E\_48\_08\_186\_a), bản đồ địa chính xã Đ, diện tích 144,1m<sup>2</sup> và cam kết nếu không trả khoản nợ trên khi đến hạn thì anh V được quyền sang tên đổi chủ thửa đất nói trên hoặc có quyền chuyển nhượng thửa đất này cho người khác.

Lần 2: ngày 14/8/2018, chị T tiếp tục vay anh V số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), hạn đến ngày 14/10/2018 sẽ thanh toán; lãi suất 10,2%/năm.

Trong quá trình vay, chị T mới thanh toán cho anh V được 02 tháng tiền lãi là tháng 8 và tháng 9 năm 2018, sau đó không thanh toán nữa.

Đến hạn trả nợ gốc, chị T cũng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho anh V và cũng không có liên lạc gì với anh. Khi anh V đòi tiền, chị T liên tục trốn tránh, khất lãn với mục đích không muốn trả tiền.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, anh Lê Xuân V có đơn yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền chị T vay anh là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và phần lãi đối với khoản tiền vay này theo giấy vay tiền ngày 14/8/2018. Giữ nguyên yêu cầu đối với khoản tiền nợ gốc và tiền lãi đối với khoản vay 217.500.000 đồng.

Yêu cầu lãi suất tính đến ngày xét xử là ngày 30/6/2020:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: (09 tháng tính từ ngày 11/10/2018 đến ngày 11/7/2019) là

$$217.500.000 \text{ đ} \times (10,2\% : 12) \times 9 \text{ tháng} = 16.638.750 \text{ đồng};$$

- Do chị T chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn nên đề nghị chị T phải trả tiền lãi trên nợ lãi chưa trả (thời điểm từ ngày 11/10/2018 đến ngày xét xử 30/6/2020 là 11,5 tháng):

$$16.638.750 \text{ đồng} \times 10\% : 12 \text{ tháng} \times 11,5 \text{ tháng} = 1.594.546 \text{ đồng}.$$

- Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (tính từ 11/7/2019 đến ngày 30/6/2020=11,5 tháng):  
 $217.500.000 \text{ đ} \times (10,2\% : 12 \times 150\%) \times 11,5 \text{ tháng} = 31.890.937 \text{ đồng}.$

Tổng tiền lãi là: 50.124.230 đồng (năm mươi triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm ba mươi đồng).

Tổng cả gốc và lãi là 267.624.230 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm đồng).

Đề nghị Tòa án buộc chị T phải thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc và tiền lãi cho anh V (tính đến thời điểm trả nợ gốc). Nếu chị T không thanh toán được nợ bằng tiền mặt thì anh V, yêu cầu Tòa án buộc chị T phải chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 248b, tờ bản đồ số 07 (E\_48\_08\_186\_a), bản đồ địa chính xã Đ, diện tích 144,1m<sup>2</sup>, đứng tên chủ sử dụng T cho anh V theo đúng như cam kết trong hợp đồng vay tiền.

Anh V thống nhất với ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của mình và không bổ sung gì.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị T không đến Tòa án. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương được biết: bà T, sinh ngày 10/6/1976 tại xã Qu, huyện X, tỉnh Thanh Hóa, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn T (nay là thôn H), xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa, đăng ký nhập khẩu ngày 05/6/2015 theo sổ đăng ký thường trú số 17 hạng mục của Công an xã Đ. Nay bà T không có mặt tại địa phương, bà T đi đâu, địa phương không nắm được vì bà T đi không đăng ký tạm vắng tại địa phương và cũng không biết đi từ thời gian nào.

Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành đăng tin thông báo tìm kiếm thông tin người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị T, trong thông báo nêu rõ việc Tòa án ND huyện H đang tiến hành giải quyết vụ án dân sự “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do nguyên đơn anh Lê Xuân V khởi kiện đòi nợ đối với chị T, đồng thời yêu cầu chị T có mặt tại Tòa án để tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải do Tòa án tổ chức; ấn định thời điểm mở phiên tòa lần 1 vào ngày 10/6/2020 và phiên tòa lần 2 vào ngày 30/6/2020 nếu lần 1 hoãn; yêu cầu chị T có mặt tại phiên tòa. Tòa án cũng tiến hành niêm yết toàn bộ các văn bản tố tụng của Tòa án tại địa phương nơi chị T đăng ký hộ khẩu thường trú.

Tuy nhiên tại các phiên họp kiểm tra việc giao, nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 06/5/2020 và ngày 20/5/2020 chị T đều không có mặt không có lý do.

Ngày 09/6/2020, chị Nguyễn Thị Tr là người đại diện theo ủy quyền của chị T có mặt tại Tòa án và giao nộp các tài liệu chứng cứ gồm giấy ủy quyền của chị T cho chị Tr tham

gia tố tụng, bản tự khai của chị Tr.

Tại nội dung bản tự khai của chị Nguyễn Thị Tr thể hiện:

Ngày 11/7/2018, mẹ tôi là T có vay của anh Lê Xuân V 217.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng (vay từ 11/7/2018 đến ngày 11/7/2019), lãi suất 10,2%/năm. Do mẹ tôi khó khăn nên đến nay vẫn chưa trả được khoản nợ này. Nay tôi thống nhất với bà T sẽ trả số tiền gốc 217.000.000 đồng một lần vào ngày 30/6/2020.

Thống nhất trả số tiền lãi, cụ thể lãi trong hạn 09 tháng (từ ngày 11/10/2018 đến ngày 11/7/2019) là 16.638.750 đồng (lãi suất 10,2%/năm);

Lãi quá hạn là 11 tháng (từ 11/7/2019 đến ngày 10/6/2020) số tiền là 19.937.500 đồng (lãi 10%/năm).

Tổng cả gốc và lãi là 254.076.250 đồng.

Tôi cam đoan sẽ trả cả gốc và lãi một lần vào ngày 30/6/2020.

Đối với thửa đất theo hợp đồng vay nợ có ghi nhận là: nếu bà T không trả nợ cho anh V thì sang tên đổi chủ cho bên anh V, do vậy mẹ tôi đã giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh V. Tôi có nguyện vọng khi giao tiền trả nợ cho anh V đúng hạn thì anh V phải giao lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tôi.

Tuy vậy phiên tòa xét xử vào ngày 10/6/2020, chị Nguyễn Thị Tr vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H trình bày nhận xét về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Cơ quan tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Giao dịch vay nợ giữa anh Lê Xuân V và chị T được xác lập phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự, là giao dịch hợp pháp. Chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nên anh V có quyền khởi kiện đòi nợ đối với chị. Việc anh V rút một phần yêu cầu khởi kiện là trên cơ sở tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh V đề nghị buộc chị T phải trả khoản nợ gốc là 217.000.000 đồng và khoản tiền lãi theo thỏa thuận và theo luật định là yêu cầu phù hợp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận để đảm bảo quyền lợi cho anh V.

Yêu cầu khởi kiện của anh V được chấp nhận, chị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho anh V nên đề nghị buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn không rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên ý kiến là rút một phần yêu cầu khởi kiện như đã nêu trên. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Lê Xuân V đã cho chị T vay tiền nhưng đến hạn chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Anh Lê Xuân V đòi tiền nhiều lần nhưng chị T đã cố tình chây ỳ không trả, thậm chí trốn tránh nên anh V đã khởi kiện đến Tòa án. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện theo quy định tại khoản 3 điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn chị T địa chỉ thường trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được Thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng khác cho chị T do không còn cư trú tại xã Đ, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Việc chị T bỏ đi khỏi nơi cư trú trong khi đang thực hiện nghĩa vụ trong giao dịch vay tài sản giữa chị đối với anh V mà không thông báo cho anh V biết về nơi cư trú mới, cũng không khai báo tạm vắng với chính quyền địa phương thể hiện chị cố tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng theo luật định, thông báo nội dung trên các phương tiện thông tin đại chúng Trung ương. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành giải quyết vụ án là đúng theo quy định của luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 10/6/2020, người đại diện theo ủy quyền của chị T là chị Nguyễn Thị Tr vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, chị T và người đại diện theo ủy quyền của chị tiếp tục vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật

[3] Về nội dung:

Đối với yêu cầu khởi kiện ban đầu của anh Lê Xuân V anh yêu cầu chị T phải trả cho anh tổng số tiền gốc là 317.500.000 đồng, được vay làm hai lần, lần 1 vay 217.500.000 đồng, được lập tTnh hợp đồng vay tài sản tại văn phòng công chứng và lần 2 vay 100.000.000 đồng chỉ viết giấy biên nhận nợ. Ngày 27/5/2020 anh V đã có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu 100.000.000 đồng để hai bên sẽ thỏa thuận sau. Anh chỉ yêu cầu Tòa án buộc chị T phải trả cho anh số tiền nợ gốc 217.500.000 đồng và lãi

suất đối với số tiền nợ gốc này. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh V.

[3.1] Xét yêu cầu của anh V buộc chị T phải trả cho anh số tiền nợ gốc là 217.500.000 đồng và lãi suất, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Việc vay nợ giữa anh Lê Xuân V và chị T được thể hiện bằng văn bản được lập tại phòng Công chứng theo đúng quy định của pháp luật, trong hợp đồng nêu rõ số tiền vay, thời gian vay, lãi suất chữ ký của bên vay là chị T và bên cho vay là anh Lê Xuân V là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tham gia ký kết trên cơ sở tự nguyện, dưới sự chứng thực của văn phòng công chứng nên là giao dịch dân sự vay tài sản hợp pháp theo đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Vì vậy xác định, chị T đã vay của anh Lê Xuân V số tiền là 217.500.000 đồng và cho đến thời điểm xét xử, chị vẫn chưa trả được khoản nào cho anh V. Người đại diện theo pháp luật của chị T cũng thừa nhận nội dung trên. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh V, buộc chị T phải trả cho anh V số tiền nợ gốc là 217.500.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng).

[3.2] Đối với yêu cầu về lãi suất:

Theo anh V, sau khi vay tiền, chị T mới trả được cho anh 02 tháng tiền lãi suất (lãi tháng 8 và tháng 9/2018). Chị T và người đại diện theo ủy quyền của chị T là chị Nguyễn Thị Tr cũng không có ý kiến gì về nội dung này. Nay anh V yêu cầu chị T phải trả cho anh tiền lãi suất từ thời điểm ngày 11/10/2018 cho đến nay, cụ thể yêu cầu lãi suất tính đến ngày xét xử là ngày 30/6/2020 bao gồm:

- Tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả (09 tháng tính từ ngày 11/10/2018 đến ngày 11/7/2019) là 16.638.750 đồng;

- Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả (thời điểm từ ngày 11/10/2018 đến ngày xét xử 30/6/2020 là 11,5 tháng): 1.594.546 đồng.

- Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả (tính từ 11/7/2019 đến ngày 30/6/2020=11,5 tháng): 31.890.937 đồng.

Tổng tiền lãi (làm tròn) là: 50.124.200 đồng (năm mươi triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm đồng).

Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu về lãi suất của anh V phù hợp với sự thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng vay tài sản và phù hợp với quy định tại Điều 466, 468 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của Lê Xuân V về lãi suất, buộc chị T phải trả cho anh V toàn bộ số tiền lãi anh yêu cầu gồm: tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa

trả là 16.638.750 đồng; Tiền lãi trên nợ lãi chưa trả là 1.594.546 đồng; Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả là 31.890.937 đồng. Tổng tiền lãi làm tròn là: 50.124.200 đồng (năm mươi triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm đồng).

[3.3] Đối với yêu cầu của anh V đề nghị buộc chị T phải chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 248b, tờ bản đồ số 07 (E\_48\_08\_186\_a), bản đồ địa chính xã Đ, diện tích 144,1m<sup>2</sup>, đứng tên chủ sử dụng T cho anh V theo đúng như cam kết trong hợp đồng vay tiền. Hội đồng xét xử nhận thấy việc thỏa thuận nội dung: chị T phải chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất cho anh V hoặc anh V được quyền chuyển nhượng QSD thửa đất của chị T cho người khác nếu chị T không trả được khoản tiền đã vay, nội dung này ghi nhận trong hợp đồng vay tài sản là không có giá trị pháp lý, bởi lẽ việc giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản có đăng ký quyền sở hữu phải được lập thành hợp đồng riêng biệt theo đúng nội dung và hình thức mà Bộ luật dân sự quy định. Vì vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của anh V.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 BLTTDS, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị T phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm là: 267.624.200 đồng x 5% = 13.381.000 đồng (Mười ba triệu, ba trăm tám mươi một nghìn đồng).

Do anh Lê Xuân V đã rút một phần yêu cầu khởi kiện, đồng thời toàn bộ yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên anh V không phải chịu án phí; trả lại cho anh toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: - Khoản 3 Điều 26; Điều 35, khoản 3 Điều 144, 147, 227, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 24, Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

### **Xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân V. Buộc chị T phải trả cho anh Lê Xuân V số tiền nợ gồm:

Tiền nợ gốc: 217.500.000 đồng (Hai trăm mười bảy triệu, năm trăm nghìn đồng);

Tiền lãi gồm tiền lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả, tiền lãi trên nợ lãi chưa trả và tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả, tổng là 50.124.200 đồng (năm mươi triệu, một trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm đồng).

Tổng số tiền chị T phải trả cho anh Lê Xuân V gồm nợ gốc và lãi suất tính đến ngày xét xử là: 267.624.200 đồng (Hai trăm sáu mươi bảy triệu, sáu trăm hai mươi tư nghìn, hai trăm đồng).

Đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện của anh Lê Xuân V về phần yêu cầu chị T phải trả cho anh khoản tiền 100.000.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.*

Về án phí: Buộc bị đơn chị T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 13.381.000 đồng (Mười hai triệu, bảy trăm linh ba nghìn đồng).

Anh Lê Xuân V được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.725.000 đồng (Tám triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2019/0009703 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện H.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn anh Lê Xuân V được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn chị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản sao bản án.



**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND h. H;
- Chi cục THA DS h. H;
- UBND xã Đ
- UBND thị trấn Bút Sơn;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Ngọc Tú**

